

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Số: 352/TTMS-NVD

V/v báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung thuốc quốc gia Quý II/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 3 tháng 7 năm 2020

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Y tế các Bộ/ngành;
- Các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Các Công ty được lựa chọn trúng thầu

Theo chế độ báo cáo, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) đã nhận được báo cáo tình hình thực hiện kết quả trúng thầu các thuốc thuộc Danh mục Đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và Danh mục Đàm phán giá đến hết ngày 30/6/2020 trên phần mềm của các Nhà thầu và các Sở Y tế, cơ sở y tế. Trung tâm đã tiến hành tổng hợp và phân tích tình hình thực hiện kết quả đấu thầu tập trung và đàm phán giá.

I. Tình hình thực hiện kết quả trúng thầu đấu thầu tập trung, đàm phán giá đến 30/6/2020:

1. Gói thầu cung cấp thuốc Capecitabin nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc (thời gian thực hiện hợp đồng: từ 01/7/2018 đến ngày 30/6/2020): Giá trị thực hiện đạt 86,18% (21.478.072.000 đồng/ 24.922.765.000 đồng).

2. Đối với gói thầu cung cấp 22 hoạt chất thuộc Danh mục ĐTTTQG cho các cơ sở y tế năm 2019-2020 thuộc Quyết định 2710/QĐ-BYT:

- Về kết quả thực hiện chung theo giá trị: đa số không đảm bảo tiến độ thực hiện theo số lượng đã dự trù và theo quy định. Giá trị thực hiện đạt 42% (3.785.723 triệu đồng/ 9.015.219 triệu đồng), trong đó gói thầu Biệt dược gốc thực hiện được 6/8 Quý đạt 47,02% (tương đương với 62,7% theo tiến độ), các gói thầu Generic thực hiện được 4/8 Quý đạt tỉ lệ 27,35% (tương đương với 54,7% theo tiến độ).

- Về kết quả thực hiện theo hoạt chất:

+ Gói Biệt dược gốc: có 10/39 khoản mục có tỉ lệ thực hiện dưới 50%, 27/39 khoản mục có tỉ lệ thực hiện từ 50%-80%, 2/39 khoản mục có tỉ lệ thực hiện trên 80% theo tiến độ.

+ Các gói Generic: có 22/273 khoản mục có tỉ lệ thực hiện lớn hơn 120%, 53/273 khoản mục có tỉ lệ thực hiện từ 80-120%, 139/273 khoản mục có tỉ lệ thực hiện dưới 50% theo tiến độ, đặc biệt có 13 khoản mục nhà thầu có hàng tồn kho nhưng các cơ sở y tế chưa gọi hàng.

(Danh sách các hoạt chất chưa sử dụng và các cơ sở y tế đã dự trù tại Bảng 1).

- Về kết quả thực hiện của Sở Y tế, Bệnh viện trung ương:

+ Có 25/63 Sở Y tế tỉnh/thành phố và 16/30 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có tỉ lệ thực hiện kết quả trúng thầu các gói thầu generic đến hết ngày 30/6/2020 dưới 25% tương đương với dưới 50% theo tiến độ.

+ Danh sách 24 Sở Y tế tỉnh/thành phố và Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ lớn (lớn hơn 6 tỷ), tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu dưới 50% theo tiến độ tại Bảng 2.

3. Đối với các gói thầu Đàm phán giá:

- Giá trị thực hiện 6/8 Quý đạt 32,17% (777,979 triệu đồng/ 2.418,155 triệu đồng) tương đương với 42,89% theo tiến độ, cụ thể:

+ Thuốc Cerebrolysin có tỉ lệ thực hiện đạt 12,42% tương đương với 16,56% theo tiến độ;

+ Thuốc Tienam có tỉ lệ thực hiện đạt 33,50% tương đương với 44,67% theo tiến độ;

+ Thuốc Mabthera 500mg có tỉ lệ thực hiện cao nhất đạt 46% tương đương với 61,3% theo tiến độ;

+ Thuốc Nexavar có tỉ lệ thực hiện đạt 28,55% tương đương với 38,06% theo tiến độ.

- Có 49/61 Sở Y tế tỉnh/thành phố và 23/30 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có tỉ lệ thực hiện kết quả trúng thầu đến hết ngày 30/6/2020 dưới 37,5% tương đương với dưới 50% theo tiến độ.

4. Các gói thầu cung cấp 05 thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cho các cơ sở y tế năm 2020-2021:

- Giá trị thực hiện 2/8 Quý đạt 16,68% (293.402 triệu đồng/ 1.758.990 triệu đồng) trong đó gói Biệt dược gốc đạt 13,16% (tương đương với 52,64% theo tiến độ), các gói Generic đạt 22,88% (tương đương với 91,52% theo tiến độ).

- Thuốc Capecitabin 500mg nhóm 1 có tỉ lệ thực hiện cao nhất đạt 28,93%.

5. Các phụ lục gửi kèm theo dạng file excel để các Cơ sở y tế và Nhà thầu tra cứu thông tin cần thiết gồm:

- Phụ lục 1: Báo cáo chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế thuốc Capecitabin 500mg nhóm 2 cung cấp cho các cơ sở y tế năm 2019-2020 đến hết Quý II/2020

- Phụ lục 2: Báo cáo Quý II/2020 chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế các thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia cung cấp cho các cơ sở y tế năm 2019-2020.

- Phụ lục 3: Báo cáo Quý II/2020 chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế các thuốc thuộc danh mục Đàm phán giá.

- Phụ lục 4: Báo cáo Quý II/2020 chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế các thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia cung cấp cho các cơ sở y tế năm 2020-2021.

II. Tình hình cung ứng thuốc của các Nhà thầu:

- Danh sách 19 mặt hàng Nhà thầu báo cáo có số lượng tồn kho lớn hơn 10 tháng theo số lượng sử dụng trung bình nhưng cơ sở y tế không nhập hàng hoặc có tỉ lệ thực hiện rất thấp và các cơ sở y tế dự trữ tại bảng 3, gồm có:

+ 11 thuốc điều trị ung thư của các hoạt chất Doxorubicin 10mg (nhóm 2,5), Doxorubicin 50mg (nhóm 2); Epirubicin 10mg (nhóm 1), Epirubicin 50mg (nhóm 1), Gemcitabin 1000mg (nhóm 5), Gemcitabin 200mg (nhóm 5), Irinotecan 40mg (nhóm 1); Temozolomid 100mg (nhóm 3), Imatinib 100mg (Nhóm 2), Vinorelbin 10mg (Nhóm 3).

- + 04 thuốc điều hòa miễn dịch của các hoạt chất: Mycophenolat 250mg (nhóm 2), Mycophenolat 500mg (nhóm 2), Tacrolimus 0,5mg (nhóm 3);
- + 04 thuốc tim mạch của các hoạt chất: Clopidogrel 300mg (nhóm 3), Telmisartan 20mg (nhóm 5), Nebivolol 5mg (Nhóm 3), Metoprolol 50mg (Nhóm 1).
- Có 13 thuốc cung ứng gián đoạn trong Quý 2/2020, Trung tâm đã tích cực làm việc với các nhà thầu, yêu cầu nhà thầu có giải pháp để đảm bảo khả năng cung ứng thuốc cho nhu cầu điều trị của các cơ sở y tế theo thỏa thuận khung đã kí kết giữa Trung tâm MSTTQG và Nhà thầu (Chi tiết tại Bảng 4).

III. Trung tâm MSTTQG đề nghị các Sở Y tế hướng dẫn các cơ sở y tế và Nhà thầu một số nội dung như sau:

1. Đảm bảo thực hiện kết quả trúng thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia cân đối giữa các nhóm thuốc, đặc biệt các thuốc thuộc gói thầu Đàm phán giá và các thuốc có tỉ lệ thực hiện thấp và tồn kho lớn.

2. Các đơn vị có hoạt chất đã thực hiện trên 120% hoặc dưới 50% số lượng phân bổ theo tiến độ chủ động lập kế hoạch điều tiết và sử dụng thuốc đảm bảo cung ứng thuốc cho nhu cầu điều trị.

3. Trường hợp Nhà thầu không đảm bảo cung ứng thuốc gây ảnh hưởng đến điều trị, các cơ sở y tế báo cáo ngay về Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia. Trường hợp nhà thầu thực hiện gói thầu vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu, Trung tâm sẽ xử lý theo quy định tại Điều 117-Xử lý tình huống trong đấu thầu của Nghị định 63/2014-NĐ-CP và xem xét việc đánh giá khả năng cung ứng thuốc của Nhà thầu tại mục 13- Mặt hàng thuốc được cung ứng bởi nhà thầu có uy tín trong thực hiện hợp đồng của Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật tại Thông tư 15/2019/TT-BYT.

4. Các đơn vị chủ động rà soát số liệu, trường hợp có sai sót, báo cáo về Trung tâm để cập nhật số liệu chính xác. *Phước*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quyền Bộ trưởng Nguyễn Thanh Long (để báo cáo);
- GD Trung tâm MSTTQG (để báo cáo);
- Công TT Điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, NVD.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *Phước*



Nguyễn Quỳnh Hoa

Bảng 1: Danh sách hoạt chất thuộc các gói thầu cung cấp cho cơ sở y tế năm 2019-2020 chưa sử dụng và các cơ sở y tế đã dự trữ

STT	TÊN HOẠT CHẤT	NỒNG ĐỘ, HÀM LƯỢNG	NHÓM TCKT	GÓI THẦU	GIÁ TRỊ TRÚNG THẦU (VNĐ)	SỐ LƯỢNG TỒN KHO CỦA NHÀ THẦU	CSYT DỰ TRỮ NHIỀU NHẤT
1	Irinotecan	40mg	Nhóm 2	Gói 2	937.482.000	696	- Bệnh viện Quân Y 103 - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình - Bệnh viện E
2	Temozolomid	100mg	Nhóm 3	Gói 2	1.293.600.000	9.000	- Bệnh viện Quân Y 354 - Bệnh viện đa khoa Sơn La
3	Doxorubicin	10mg	Nhóm 5	Gói 3	167.450.000	13.650	- Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum - Bệnh viện Trung ương Huế
4	Doxorubicin	50mg	Nhóm 5	Gói 3	6.711.600	3.196	- Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi
5	Imatinib	100mg	Nhóm 2	Gói 3	350.382.480	39.780	- Bệnh viện Phụ sản – Nhi thành phố Đà Nẵng
6	Tacrolimus	1mg	Nhóm 3	Gói 3	18.900.000	600	- Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị
7	Temozolomid	100mg	Nhóm 3	Gói 3	1.632.876.000	9.000	- Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam - Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh
8	Tacrolimus	0,5mg	Nhóm 3	Gói 4	9.473.940	52.822	- Bệnh viện Quân Y 121 - Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai
9	Tacrolimus	1mg	Nhóm 3	Gói 4	148.428.000	4.712	- Bệnh viện Quân y 175 - Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai
10	Vinorelbin	10mg	Nhóm 3	Gói 4	620.865.000	3.482	- Bệnh viện đa khoa Cà Mau - Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai - Bệnh viện Ung bướu Cần Thơ
11	Gemcitabin	1000mg	Nhóm 5	Gói 5	299.109.475	2.069	- Bệnh viện E - Bệnh viện Phổi Trung ương - Bệnh viện Ung bướu Bắc Giang
12	Gemcitabin	200mg	Nhóm 5	Gói 5	312.027.100	2.048	- Bệnh viện Quân Y 103 - Bệnh viện E - Bệnh viện Phổi Trung ương
13	Gemcitabin	1000mg	Nhóm 5	Gói 6	2.708.916	2.069	- Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi

Bảng 2: Danh sách Sở Y tế tỉnh/thành phố và Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ các thuốc generic lớn hơn 6 tỷ, tỉ lệ thực hiện thấp hơn 25% (tương đương với 50% theo tiến độ) đối với các gói thầu cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế năm 2019-2020 thuộc Quyết định 2710/QĐ-BYT

STT	Tên đơn vị	Giá trị trúng thầu + điều tiết	Giá trị thực hiện đến 31/3/2020	Tỷ lệ thực hiện đến 31/3/2020	Tỉ lệ tương đương theo tiến độ
MIỀN BẮC					
1	SYT Hà Nội	289,664,393,518	46,521,582,099	16,06%	32,12%
2	Bệnh viện Bạch Mai	141.990.141.300	24.075.949.370	16,96%	33,92%
3	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	33.213.475.000	5.425.819.960	16,34%	32,68%
4	SYT Hải Phòng	19.749.219.314	4.439.886.124	22,48%	44,96%
5	Bệnh viện E	18.773.105.880	3.694.200.380	19,68%	39,36%
6	Bệnh viện Nhi Trung ương	8.101.327.750	1.924.505.478	23,76%	47,52%
7	SYT Thái Bình	7.206.663.676	1.255.761.410	17,43%	34,86%
8	SYT Tuyên Quang	6.884.041.200	1.075.186.900	15,62%	31,24%
9	SYT Bắc Giang	6.781.965.200	1.281.600.010	18,90%	37,80%
10	Bệnh viện Phổi Trung ương	6.634.179.400	1.032.112.440	15,56%	31,12%
11	SYT Ninh Bình	6.102.638.865	916.420.394	15,02%	30,04%
MIỀN TRUNG					
12	SYT Thanh Hoá	44.786.674.076	8.074.896.372	18,03%	36,06%
13	SYT Bình Thuận	9.567.866.900	938.450.584	9,81%	19,62%
14	Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế	7.391.579.376	1.566.302.420	21,19%	42,38%
15	SYT Gia Lai	6.781.152.580	797.521.288	11,76%	23,52%
16	SYT Hà Tĩnh	6.565.649.000	624.301.870	9,51%	19,02%
MIỀN NAM					
17	SYT Cần Thơ	83.853.533.319	8.326.127.596	9,93%	19,86%
18	Bệnh viện đại học Y dược TP HCM	30.059.121.778	6.609.967.386	21,99%	43,98%
19	SYT Đồng Nai	51.250.264.657	12.380.010.096	24,16%	48,32%
20	Bệnh viện Thống Nhất	22.276.489.132	4.748.104.190	21,31%	42,62%
21	SYT Long An	7.981.090.332	1.660.202.436	20,80%	41,60%
22	SYT Bạc Liêu	22.502.017.734	4.477.196.884	19,90%	39,80%
23	SYT Tây Ninh	13.761.814.000	2.573.878.700	18,70%	37,40%
24	SYT Bến Tre	16.732.794.618	2.635.198.854	15,75%	31,50%

Bảng 3: Danh mục các thuốc có tỉ lệ thực hiện thấp, tồn kho lớn

ST T	Tên thuốc	Đơn vị tính	Nhóm thuốc, gói thầu	Công ty trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Tổng số lượng thực hiện và tỉ lệ thực hiện đến 30/06/2020	Số lượng tồn cuối kỳ	Số lượng thực hiện trung bình/tháng	Số tháng tồn kho	CSYT DỰ TRÙ NHIỀU NHẤT
1. Các thuốc chống ung thư										
1	Venutel-100 (Temozolomid 100mg)	Viên	Nhóm 3, toàn quốc	Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hưng Thành	7.069	210 (2,97%)	9.000	18	514	- Bệnh viện Quân Y 354 - Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam - Bệnh viện ung bướu Cần Thơ
2	Gemita 1g (Gemcitab in 1000mg)	Lọ	Nhóm 5, toàn quốc	Công ty cổ phần dược phẩm TW Codupha	2.253	100 (4,44%)	2.126	8	266	- Bệnh viện E - Bệnh viện ung bướu Cần Thơ - Bệnh viện Phổi TƯ
3	Gemita 200mg (Gemcitab in 200mg)	Lọ	Nhóm 5, miền Bắc, Nam	Công ty cổ phần dược phẩm TW Codupha	6.251	600 (9,5%)	2.127	50	43	- Bệnh viện ung bướu Cần Thơ - Bệnh viện Quân Y 103 - Bệnh viện E
4	Rofiptil Tablet (Imatinib 100mg)	Viên	Nhóm 2, toàn quốc	Liên danh Codupha-An Thiên	287.820	12.600 (4,38%)	39.780	1.050	38	- Viện Huyết học và Truyền máu TW - Bệnh viện Quân Y 175 - Bệnh viện Phụ sản – Nhi thành phố Đà Nẵng
5	Adrim 50mg/25 ml (Doxorubicin 50mg)	Lọ	Nhóm 2, toàn quốc	Liên danh Codupha-An Thiên	10.213	2.226 (21,8%)	5.307	186	29	- Bệnh viện TW Huế - Viện Huyết học và Truyền máu TW - Bệnh viện Quân Y 354
6	Episindan 50mg (Epirubicin 50mg)	Lọ	Nhóm 1, miền Bắc, Trung	Liên danh thầu Hoàng Mai	27.471	1.439 (5,24%)	2.787	120	23	- Bệnh viện K - Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp - Bệnh viện Bạch Mai
7	Episindan 10mg (Epirubicin 10mg)	Lọ	Nhóm 1, miền Bắc, Trung	Liên danh thầu Hoàng Mai	38.442	1.737 (4,53%)	2.652	145	19	- Bệnh viện K - Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp - Bệnh viện Quân Y 103
8	Irinotesin 20mg/ml (Irinotecan 40mg)	Lọ	Nhóm 1, toàn quốc	Liên danh thầu Hoàng Mai	61.499	10.474 (17,03%)	15.290	873	18	- Bệnh viện K - Bệnh viện Ung bướu Hà Nội - Bệnh viện TW Huế
9	Adrim 10mg/5ml (Doxorubicin 10mg)	Lọ	Nhóm 2, toàn quốc	Liên danh Codupha-An Thiên	24.072	4.926 (20,46%)	5.768	411	14	- Bệnh viện Bạch Mai - Bệnh viện đa khoa Hà Tĩnh - Bệnh viện đại học Y dược TP.HCM
10	Naprodox 10 (Doxorubicin 10mg)	Lọ	Nhóm 5, toàn quốc	Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hưng Thành	46.707	6.350 (13,6%)	5.768	411	14	- Bệnh viện Ung bướu TP.HCM - Bệnh viện K - Bệnh viện TW Huế

11	Vinorelbin Bidiphar (Vinorelbin 10mg)	Lọ	Nhóm 3, Toàn quốc	Công ty cổ phần Dược-Trang TBVT Bình Định	13.531	3.494 (25,82%)	3.482	291	12	- Bệnh viện Quân Y 354 - Bệnh viện đa khoa Cà Mau - Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa
----	---------------------------------------	----	-------------------	---	--------	----------------	-------	-----	----	--

2. Các thuốc điều hòa miễn dịch

1	Dimustar (Tacrolimus 1mg)	Viên	Nhóm 3, miền Bắc	Công ty TNHH dược phẩm và thương mại Hà Minh	348.200	2.300 (0,66%)	341.900	256	1.338	- Bệnh viện Bạch Mai - Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 - Bệnh viện Nhi TW
2	Tacrocaps 0,5mg (Tacrolimus 0,5mg)	Viên	Nhóm 3, miền Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	53.512	885 (1,65%)	52.822	74	716	- Bệnh viện Bạch Mai - Bệnh viện 198 - Viện Huyết học và Truyền máu TW
3	Mycokem tablets 500mg (Mycophenolat 500mg)	Viên	Nhóm 2, toàn quốc	Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hưng Thành	532.370	52.990 (9,95%)	163.610	4.416	37	- Bệnh viện Nhân dân 115 - Bệnh viện Nhi đồng I - Bệnh viện Bạch Mai
4	Mycokem capsules 250mg (Mycophenolat 250mg)	Viên	Nhóm 2, toàn quốc	Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hưng Thành	720.300	105.100 (14,59%)	161.800	8.758	18	- Bệnh viện Nhi TW - Bệnh viện Nhi đồng thành phố - Bệnh viện Bạch Mai

4. Các thuốc tim mạch

1	NICARLOL 5 (Nebivolol 15mg)	Viên	Nhóm 3, miền Bắc	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	1.658.840	96.320 (11,38%)	790.980	8.027	99	- Bệnh viện đa khoa Mộc Châu - Trung tâm tim mạch - Bệnh viện E - Công ty cổ phần bệnh viện ĐK Hưng Hà
2	MAXXPLA 300 (Clopidogrel 300mg)	Viên	Nhóm 3, toàn quốc	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	806.272	36.100 (4,48%)	67.900	4.011	17	- Phòng khám đa khoa Phước An – TP.HCM - Bệnh viện ĐK TP Phan Thiết - Bệnh viện Trường ĐH Y dược Huế
3	Carmotop 50mg (Metoprolol 50mg)	Viên	Nhóm 1, miền Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Duy Tân	6.667.858	1.194.210 (17,9%)	1.589.850	99.518	16	- Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai - Bệnh viện Quận Gò Vấp - Bệnh viện Quân dân Y miền Đông
4	Telmisartan 20 A.T (Telmisartan 20mg)	Viên	Nhóm 5, toàn quốc	Liên danh Codupha-An Thiên	5.796.860	1.079.900 (18,63%)	927.200	89.992	10	- Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai - Phòng khám đa khoa Phước An – TP.HCM - Bệnh viện đa khoa quận Lê Chân – Hải Phòng

Nguyễn Thị

Bảng 4: Danh sách mặt hàng gián đoạn cung ứng Quý 2/2020

ST T	Tên Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thuốc	Nhóm thuốc	Gói thầu	Công ty trúng thầu	Ghi chú về khả năng cung ứng
1	Bortezomib	2mg	Bortenat 2mg	N2	Gói 3, 4	Công ty TNHH Dược phẩm và Hóa chất Nam Linh	Gián đoạn cung ứng từ T2.2020 đến nay. Nhà thầu đề xuất cung ứng miễn phí Zyocade (N2).
2	Imatinib	100mg	Alvotinib	N1	Gói 2,3,4	Liên danh Codupha – An Thiên	Gián đoạn cung ứng T6.2020 Hiện tại đã có hàng tại kho của Nhà thầu.
3	Pemetrexed	100mg	Pemehope 100	N2	Gói 2,3,4		
4	Rosuvastatin	5mg	PMS-Rosuvastatin 5mg	N1	Gói 4	Công ty TNHH dược phẩm Vạn Hưng	Gián đoạn cung ứng T6.2020. Hiện tại nhà thầu đã có hàng.
5	Gemcitabin (dưới dạng gemcitabin HCl)	1000mg	Gemzar	BDG	Gói 1	Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	Không đảm bảo cung ứng từ T12/2019 đến nay do SDK mới chưa được công bố trong DM BDG. Nhà thầu cam kết cung ứng miễn phí sản phẩm Gemzar SDK mới cho bệnh nhân cần thiết điều trị.
6	Gemcitabin (dưới dạng gemcitabin HCl)	200mg	Gemzar	BDG	Gói 1		
7	Telmisartan	80mg	Carminal 80mg	N1	Gói 2	Công ty TNHH dược phẩm Gia Minh	Không có tồn kho T6.2020. Nhà thầu cung cấp miễn phí sản phẩm Tolura 80mg (Telmisartan 80, nhóm 1) trúng thầu gói thầu số 03.
8	Tacrolimus	0,5mg	Graftac 0.5mg	N2	Gói 3,4	Công ty cổ phần dược liệu Trung ương 2	Không đảm bảo cung ứng từ T11/2019 đến nay. Nhà thầu đề xuất cung cấp miễn phí sản phẩm Tacrocap (tacrolimus 0,5mg nhóm 3).
9	Tacrolimus	1mg	Graftac 1mg	N2	Gói 3,4		
10	Erlotinib	100mg	Rivacil 100	N3	Gói 3,4	Công ty cổ phần dược Đại Nam Hà Nội	Không đảm bảo cung ứng từ T3.2020 do nhà máy sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu tại TT35.
11	Erlotinib	150mg	Nokatip 150	N3	Gói 2,	Liên danh thầu Hoàng Mai	Không đảm bảo cung ứng từ tháng 6/2019 do nhà máy sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu tại TT35.
12	Imatinib	100mg	Umkanib 100	N3	Gói 5, 6, 7	Công ty cổ phần Dược phẩm Hoàng Mai	
13	Gefitinib	250mg	Maltida 250mg	N3	Gói 2, 3, 4	Liên danh Codupha – An Thiên; Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	